

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025, và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 188/TTr-SNNMT ngày 11/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Grand Precision manufacturing Việt Nam, địa chỉ tại: Lô CN4-2, Khu công nghiệp Yên Phong II-C, xã Yên Phong, xã Tam Giang, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án Nhà máy Grand Precision Việt Nam” tại lô CN4-2 ((thuê nhà xưởng RBF8 của Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1)), Khu công nghiệp Yên Phong II-C, xã Yên Phong, xã Tam Giang, tỉnh Bắc Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nhà máy Grand Precision Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN4-2 (thuê nhà xưởng RBF8 của Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation Bắc Ninh 1), Khu công nghiệp Yên Phong II-C, xã Yên Phong, xã Tam Giang, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2301356973 do phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/8/2025.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9877824008 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cấp, chứng nhận lần đầu ngày 18/8/2025.

1.4. Mã số thuế: 2301356973

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất linh kiện kim loại chính xác cho trung tâm dữ liệu AI, bao gồm: vỏ máy, thanh trượt, tấm mặt trước, thanh giữ thẻ mở rộng dùng để lắp ráp máy trong trung tâm dữ liệu AI.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi:

- Diện tích: 5.038,5 m².

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

1.6.2. Quy mô, công suất của dự án:

Sản xuất linh kiện kim loại chính xác cho trung tâm dữ liệu AI, bao gồm: vỏ máy, thanh trượt, tấm mặt trước, thanh giữ thẻ mở rộng dùng để lắp ráp máy trong trung tâm dữ liệu AI với công suất 600.000 sản phẩm/năm.

1.6.3. Quy trình sản xuất:

(Nguyên liệu → Kiểm tra sơ bộ → Dập ép) và (Nguyên liệu → Kiểm tra sơ bộ → Cắt laser → Khắc laser → Uốn) → Hàn laser → Ép, tạo lỗ/ren, mài, phay CNC, hàn → Phun sơn/ Mạ điện (thuê ngoài) → In kết hợp sậy → Băng chuyền kéo tự động → Lắp ráp → Kiểm tra chi tiết → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: Không

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Grand Precision manufacturing Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh, cơ quan chức năng địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chức năng địa phương theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành đến ngày 30/9/2035.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án Nhà máy Grand Precision Việt Nam” được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1100/QĐ-SNNMT ngày 10/12/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh: Chịu trách nhiệm trước pháp

luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “IBE Laser Technology Company Limited”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã Yên Phong, UBND xã Tam Giang; Công ty TNHH Grand Precision manufacturing Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép môi trường này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, THĐT; Trung tâm Thông tin tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN _{Tân}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án sau khi xử lý sơ bộ được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 120 m³/ngày đêm của Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1 (đơn vị cho thuê xưởng) đảm bảo đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Yên Phong II-C ((theo Biên bản thỏa thuận đấu nối nước thải ngày 10/8/2023 giữa Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera với Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1)), sau đó nước thải sẽ được đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Yên Phong II-C để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ hoạt động máy nén khí và từ quá trình vệ sinh máy in của dự án được thu gom, xử lý cùng chất thải nguy hại, không xả thải ra ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ nhân viên được thu gom, xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn với thể tích 12 m³/bể; sau đó dẫn theo đường ống HPDE D200, I=0,4%, chiều dài khoảng 301,7m về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của công suất 120 m³/ngày đêm của Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1 (đơn vị cho thuê xưởng) để xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Yên Phong II-C ((theo Hợp đồng thuê xưởng ngày 17/9/2025 giữa Công ty TNHH Grand Precision manufacturing Việt Nam và Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1)).

- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ hoạt động của máy nén khí và từ quá trình vệ sinh khuôn máy in được thu gom, xử lý cùng chất thải nguy hại, không xả thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1):

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt đã xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Yên Phong II-C.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: mật rỉ đường: khoảng 480 kg/ năm; TCCA: khoảng 18 kg/ năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Do Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1) chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Nước thải của dự án do Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1) (đơn vị cho thuê nhà xưởng) chịu trách nhiệm xử lý. Do đó, dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án và đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của Công ty TNHH công nghiệp Titan Corporation (Bắc Ninh) 1) (đơn vị cho thuê nhà xưởng), không xả thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận.

3.2. Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả xử lý sơ bộ nước thải./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, mài.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn in kết hợp sậy.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng khí thải: Có 02 dòng khí thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 01 từ công đoạn hàn, mài.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải số 02 từ công đoạn in kết hợp sậy.

2.2. Vị trí xả khí thải: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰⁰, múi chiếu 3⁰):

- Vị trí số 01: Tại vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải số 01 từ công đoạn hàn, mài. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2347644; Y: 391646.
- Vị trí số 02: Tại vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải số 02 từ công đoạn in kết hợp sậy. Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2347565; Y: 391687.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: 4.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 6.000 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục theo giờ làm việc (24 giờ/ngày).

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2024/BTNMT, cột B		
I	Dòng khí thải số 1				
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80		

3	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
4	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		
5	Styren	mg/Nm ³	≤ 100		
6	Formaldehyt	mg/Nm ³	≤ 15		
II	Dòng khí thải số 2				
1	Lưu lượng	Nm ³ /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	≤ 80		
3	Benzen	mg/Nm ³	≤ 5		
4	Xylen	mg/Nm ³	≤ 100		
5	Toluen	mg/Nm ³	≤ 40		
6	n-hexan	mg/Nm ³	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Đối với hệ thống xử lý khí thải số 01 công suất 4.000m³/giờ: Dòng bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, mài được hút bởi 03 ống hút khí thải D150mm với kích thước mỗi ống là 3m, sau đó qua đường ống dẫn khí D300mm với chiều dài là 15m dẫn khí thải về thiết bị xử lý (bông lọc + than hoạt tính) để xử lý, sau đó xả thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí có chiều cao 11m.

- Đối với hệ thống xử lý khí thải số 02 công suất 6.000m³/giờ: Dòng khí thải phát sinh từ công đoạn in kết được sấy được dự án lắp đặt ống hút/chụp hút khí thải tại khu vực sinh ra khí thải (*máy in được hút bởi 4 ống hút khí thải kích thước D100mm, mỗi ống hút khí thải dài 2m và ống gió mềm hút khí thải D100mm dài 2m; lò sấy được hút bởi 2 chụp hút khí thải kích thước 1200x200mm, mỗi ống hút khí thải kết nối vào chụp hút khí thải kích thước D150mm với chiều dài mỗi ống dài 3m*). Khí thải tại các vị trí được thu gom dẫn vào đường ống dẫn khí kích thước D150mm dài 13 m; đường ống dẫn khí kích thước D200 dài 4m; đường ống dẫn khí kích thước D300 dài 5m, đường ống dẫn khí kích thước D350 dài 6,5m dẫn vào thiết bị xử lý

(bông lọc + UV + than hoạt tính) để xử lý, sau đó xả thải ra ngoài môi trường qua ống thoát khí có chiều cao 11m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống xử lý khí thải số 01:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống hút khí thải → Đường ống thu gom khí thải → Thiết bị xử lý (bông lọc + than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Công suất thiết kế: 4.000 m³/giờ.

+ Hoá chất, vật liệu sử dụng: Bông lọc: khoảng 0,9 kg/ năm; than hoạt tính: khoảng 280 kg/năm.

- Hệ thống xử lý khí thải số 02:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút khí thải, Ống hút khí thải → Đường ống thu gom khí thải → Thiết bị xử lý (Bông lọc + UV + than hoạt tính) → Quạt hút ly tâm → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ.

+ Hoá chất, vật liệu sử dụng: Bông lọc khoảng 0,9 kg/năm; than hoạt tính khoảng 140 kg/năm, bóng đèn UV 20 bóng khoảng 5kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 06 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp ứng phó:

- Khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố, nhà máy tạm thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố để khắc phục hệ thống giảm thiểu các tác động của bụi và khí thải phát sinh mới tiếp tục vận hành sản xuất.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời khắc phục xử lý.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 05/2026 đến tháng 10/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm¹: 01 hệ thống xử lý khí thải có công suất 6.000m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí sau xử lý của 01 hệ thống xử lý khí thải có công suất 6.000m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Quan trắc 03 mẫu đơn khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (tần suất 01 lần/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải; lập nhật ký vận hành công trình xử lý.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu ra môi trường.

3.4. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

¹ Căn cứ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường: 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, mài công suất 4.000 m³/giờ không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 04 nguồn

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị trong nhà xưởng sản xuất (khu vực máy mài, máy dập).
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy nén khí.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút của thiết bị xử lý khí thải số 1.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của quạt hút của thiết bị xử lý khí thải số 2.

2. Tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026 và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung từ ngày 01/01/2027, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn đến hết ngày 31/12/2026:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn từ ngày 01/01/2027:

TT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

2.2. Độ rung:

- Giá trị giới hạn đối với độ rung đến hết ngày 31/12/2026:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung từ ngày 01/01/2027:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Thực hiện giải pháp cách ly tiếng ồn, như: Bố trí thiết bị có tiếng ồn cao trong phòng riêng, bố trí phòng điều khiển nơi làm việc của công nhân riêng để cách ly với các thiết bị có tiếng ồn cao.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Nền bệ máy thiết bị phải bằng phẳng và chắc chắn nhằm tránh gây ra hiện tượng cộng hưởng rung động, giảm thiểu rung lắc.

- Lắp đặt đệm giảm chấn cho các thiết bị, động cơ có độ rung lớn.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 5.105 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 830,34 kg/tháng (tương đương khoảng 9.964,08 kg/năm).

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 270 kg/ngày (tương đương khoảng 81.000 kg/năm).

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải được kiểm soát: Dự kiến tổng số lượng phát sinh là 12.845,92 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Kho/Khu vực lưu chứa: 01 kho
- Diện tích kho: 08 m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Kho/Khu vực lưu chứa: 01 kho
- Diện tích kho: 24 m².

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Kho/Khu vực lưu chứa: 01 kho
- Diện tích kho: 08 m².

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Công ty TNHH Grand Precision manufacturing Việt Nam có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường này.

2. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của dự án.

3. Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

4. Duy trì hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải tại dự án để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của đơn vị cho thuê xưởng; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

5. Vận hành thường xuyên các hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

6. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, chính quyền địa phương trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

7. Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính Phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư

số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.